

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 09-11-2018  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Văn Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đình Xuyên

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

***-Thư ký phiên toà:*** Ông Đỗ Trọng Tú- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thanh Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2018, giữa các đương sự:

**1-Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Duy Đ - sinh năm 1990; cư trú tại: Khu 02 T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

**2-Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1991; cư trú tại: Khu 02 T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08/6/2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Nguyễn Duy Đ trình bày: Anh Đức và chị T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 07/4/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ anh Đ tại khu 02 T, xã T

được khoảng 06 tháng thì ra ở riêng và làm lao động tự do. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, dẫn tới thường xuyên nói cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng không đạt kết quả. Từ ngày 02/01/2018 (âm lịch) đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm tới ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T.

Tại bản tự khai ngày 06/8/2018 và quá trình giải quyết, bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng đúng như anh Đ đã trình bày. Theo chị T, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ ham rượu, chè, cờ bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác, nên vợ chồng thường xuyên nói cãi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả, nên chị T đã đi làm thuê tại thành phố Hà Nội. Nay xác định vẫn còn tình cảm yêu thương anh Đ, nên chị T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy T - sinh ngày 28/8/2015, Nguyễn Duy K - sinh ngày 10/02/2017 và hiện nay các con chung đang ở cùng anh Đ. Nếu ly hôn, anh Đ, chị T thống nhất để cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu đã trình bày;

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử căn cứ vào khoản 1 điều 56; điều 58; điều 81; điều 82; điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 228 của Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị T.
2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: anh Nguyễn Duy Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Duy T - sinh ngày 28/8/2015 và Nguyễn Duy K - sinh ngày 10/02/2017. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
3. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Duy Đ và chị Nguyễn Thị T bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng, yêu thương nhau, nên thường xảy ra tranh cãi bất hoà. Từ ngày 02/01/2018 âm lịch đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ trong thực tế tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh anh Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận. Chị T đề nghị được đoàn tụ, nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị T không có biện pháp nào nhằm khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, nên đề nghị của chị T là không có căn cứ chấp nhận.

[2]. Về con chung: Sự thống nhất của các đương sự về con chung như đã nêu trên là có căn cứ cần chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 điều 56; điều 58; khoản 1, 2 điều 81; khoản 1, 3 điều 82; điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 228 của Luật tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: anh Nguyễn Duy Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Duy T - sinh ngày 28/8/2015 và Nguyễn Duy K - sinh ngày 10/02/2017, kể từ tháng 11/2018 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh Đ không yêu cầu.

2.2. Chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 008322 ngày 27/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Tuy Lộc;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Văn Thắng**